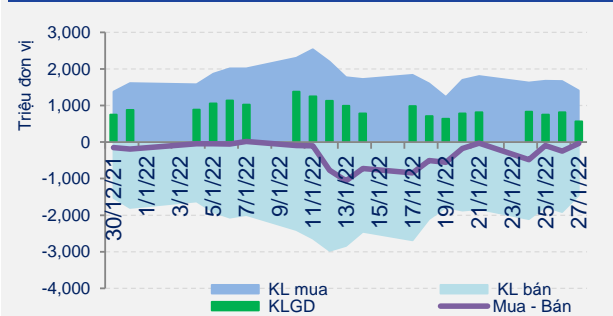
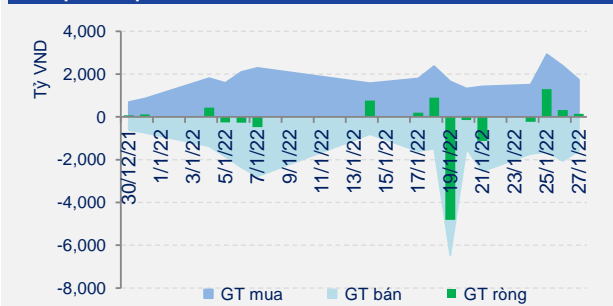


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 27/1/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,470.76	411.27
% Thay đổi	↓ -0.73%	↓ -0.13%
KLGD (CP)	564,596,240	59,007,361
GTGD (tỷ đồng)	16,774.12	1,949.84
Tổng cung (CP)	1,451,595,400	80,746,400
Tổng cầu (CP)	1,414,293,300	75,123,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	36,911,700	293,423
KL mua (CP)	44,545,900	1,675,204
GT mua (tỷ đồng)	1,732.08	50.36
GT bán (tỷ đồng)	1,588.25	6.15
GT ròng (tỷ đồng)	143.82	44.21

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.44%	20.1	3.2	0.6%
Công nghiệp	↓ -1.18%	22.7	3.3	13.0%
Dầu khí	↑ 0.34%	20.5	2.2	3.1%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.13%	-	10.2	3.1%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.49%	15.6	2.4	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.60%	21.6	3.9	8.1%
Ngân hàng	↓ -1.52%	13.2	2.3	28.9%
Nguyên vật liệu	↓ -1.66%	9.4	2.2	10.3%
Tài chính	↓ -0.10%	21.2	3.3	30.5%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.36%	16.4	2.8	2.0%
VN - Index	↓ -0.73%	17.2	3.1	
HNX - Index	↓ -0.13%	23.1	4.2	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Trong phiên giao dịch hôm nay, thanh khoản thị trường tiếp tục suy giảm và đây đã là phiên thứ 10 liên tiếp mà thanh khoản ở mức dưới trung bình. Rõ ràng là các nhà đầu tư đang chuẩn bị đón Tết và hạn chế giao dịch ở thời điểm hiện tại. Áp lực bán chiếm ưu thế trước bên mua khiến VN-Index giảm 10,82 điểm (-0,74%) xuống 1.470,76 điểm. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 291 mã giảm (22 mã giảm sàn), 54 mã tham chiếu, 151 mã tăng (5 mã tăng trần). Cổ phiếu không còn giữ được sắc xanh để hỗ trợ thị trường như các phiên trước đó mà phần lớn đều kết phiên trong sắc đỏ khi mà áp lực bán chốt lời ngắn hạn gia tăng STB (-0,4%), VPB (-1,3%), MBB (-0,9%), LPB (-0,4%), CTG (-2%), TCB (-1%), ACB (-1,6%), SHB (-1,4%), VCB (-3,7%)... Nhóm thép tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh với HPG (-3%), HSG (-1,9%), VGS (-10%)... Cổ phiếu bất động sản xây dựng cũng chung xu hướng với thị trường với nhiều mã giảm mạnh, thậm chí giảm sàn, có thể kể đến KBC (-3,8%), CEO (-9,5%), CII (-6,9%), DIG (-6,9%), LDG (-6,7%), NBB (-6,9%), TIP (-7%), DRH (-6,8%), VPH (-6,9%), QCG (-6,6%), HAR (-6,9%), ROS (-7%), FCN (-6,8%), DPG (-6,9%), HID (-6,9%)... Khá bất ngờ khi cổ phiếu chứng khoán lại ngược dòng thị trường tăng khá tốt với SSI (+2,2%), VND (+3,3%), SHS (+2,6%), HCM (+2,9%), VCI (+1,3%), VIX (+3,3%), CTS (+2,3%)...

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Những phiên giao dịch cuối năm Âm lịch thường là giai đoạn mà thị trường giao dịch với thanh khoản dần cạn kiệt và năm nay cũng không nằm ngoại lệ. Thanh khoản khớp lệnh trên thị trường có phiên thứ 10 liên tiếp thấp hơn trung bình. Chỉ còn một phiên giao dịch nữa là sẽ kết thúc năm Tân Sửu để bước qua một năm mới và có lẽ một bộ phận nhà đầu tư đã đứng ngoài thị trường trong vài phiên gần đây. Theo dữ liệu mà chúng tôi thống kê trong lịch sử thì thị trường chứng khoán thường tăng điểm sau kỳ nghỉ Tết. Điều này đã diễn ra 5/6 lần trong giai đoạn 2016-2021 (ngoại trừ năm 2020 thị trường giảm do Covid-19). Do đó, thời điểm trước Tết, những phiên giảm điểm sâu sẽ là cơ hội cho các nhà đầu tư tích lũy thêm cổ phiếu để đón sóng tăng đầu năm mới. Ngoài ra, phiên giao dịch cuối cùng của năm Âm lịch cũng thường kết thúc trong sắc xanh với 5/6 lần trong giai đoạn 2016-2021 (ngoại trừ năm 2019 thị trường giảm). Do đó, chúng tôi cũng kỳ vọng VN-Index sẽ có sự hồi phục để hướng đến vùng kháng cự 1.475-1.485 điểm (MA20-50) trong phiên 28/1. Nhà đầu tư đã tham gia bắt đáy trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 có thể tiếp tục nắm giữ danh mục và mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1.400-1.450 điểm trong phiên tới.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

27/1/2022

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc đỏ trong phần lớn thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuyên suốt từ đầu phiên cho đến cuối phiên, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.464,06 điểm. Tuy nhiên, cũng có thời điểm vào khoảng 11h, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 1.486,39 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 10,82 điểm (-0,73%) xuống 1.470,76 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB giảm 3.500 đồng, MSN giảm 5.000 đồng, HPG giảm 1.300 đồng. Ở chiều ngược lại, VNM tăng 3.400 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 414,6 điểm. Nhưng từ khoảng 10h trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 405,97 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,55 điểm (-0,13%) xuống 411,27 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO giảm 6.500 đồng, L14 giảm 25.800 đồng, BAB giảm 600 đồng. Ở chiều ngược lại, KSF tăng 9.500 đồng.

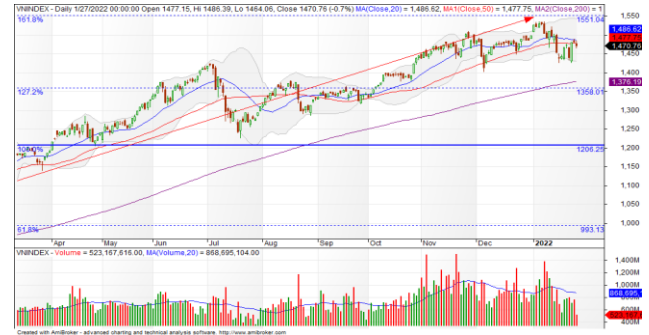
## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 134,81 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 9,8 triệu đơn vị. LPB là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 106,3 tỷ đồng tương ứng với 4,3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là TPB với 91,8 tỷ đồng tương ứng với 2,3 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VIC là mã bị bán ròng nhiều nhất với 122,9 tỷ đồng tương ứng với 1,3 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 44,16 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,4 triệu cổ phiếu. PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 41 tỷ đồng tương ứng với 1,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là SHS với 3,9 tỷ đồng tương ứng với 100 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, TDN là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,9 tỷ đồng tương ứng với 157 nghìn cổ phiếu.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên giảm trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên trong phiên thứ 10 liên tiếp cho thấy là nhà đầu tư phần lớn đang chuẩn bị đón Tết và hạn chế giao dịch trên thị trường ở thời điểm hiện tại.

Góc nhìn kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm nhẹ hôm nay (-0,73%) thì chỉ số VN-Index đã rơi khỏi vùng 1.475-1.485 điểm (MA20-50) khi mà áp lực bán trong phiên hôm nay đã áp đảo so với bên mua. Với diễn biến này thì xu hướng tăng của VN-Index đã bị suy yếu đôi chút. Tuy nhiên, xác suất tăng điểm trong phiên giao dịch cuối cùng của năm Tân Sửu vẫn được đánh giá cao hơn như diễn biến của các năm trước đó.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối cùng của năm Tân Sửu, chỉ số VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại để hướng vào vùng kháng cự trong khoảng 1.475-1.485 điểm (MA20-50).

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục áp đảo thì chỉ số VN-Index có thể lui về test lại vùng hỗ trợ trong khoảng 1.400-1.450 điểm.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ



## TIN TRONG NƯỚC

**Giá vàng trong nước đi ngang**

Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 61,75 - 62,35 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.

**Tỷ giá trung tâm giảm 6 đồng**

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 27/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.070 VND/USD, giảm 6 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

**Giá vàng thế giới giảm**

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 16,1 USD/ounce tương ứng với 0,88% xuống 1.813,6 USD/ounce.

**Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng**

Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,370 điểm tương ứng 0,38% lên 96,76 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1203 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3432 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,92 JPY.

**Giá dầu thế giới giảm**

Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,29 USD/thùng tương ứng với 0,33% xuống 87,08 USD/thùng.

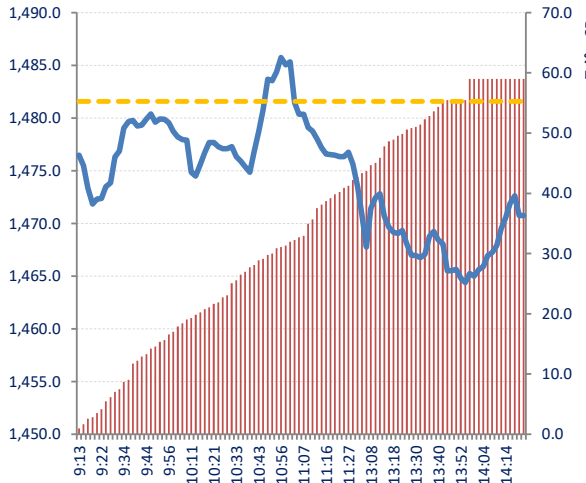
**Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều**

Kết thúc phiên giao dịch ngày 26/1, Dow Jones giảm 129,64 điểm tương đương 0,38% xuống 34.168,09 điểm. Nasdaq tăng 2,82 điểm tương đương 0,02% lên 13.542,12 điểm. Nasdaq Composite giảm 6,52 điểm tương đương 0,15% xuống 4.349,93 điểm.

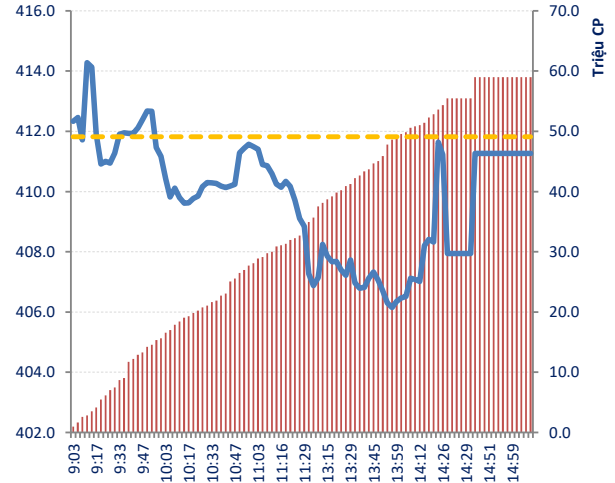


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

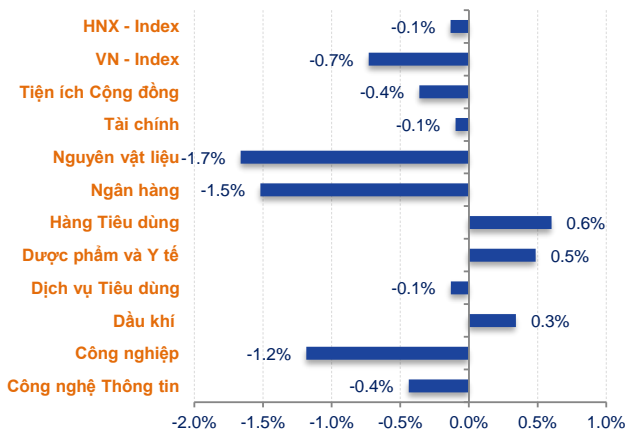
KLGD và VN-Index trong phiên



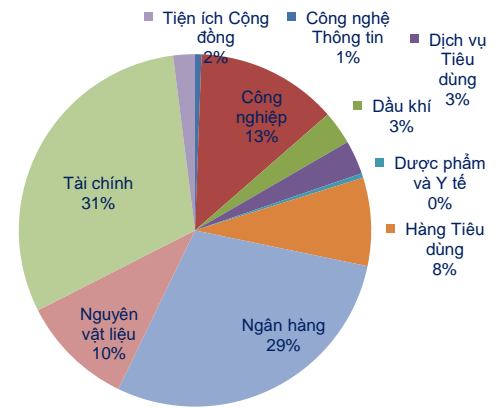
KLGD và HNX-Index trong phiên



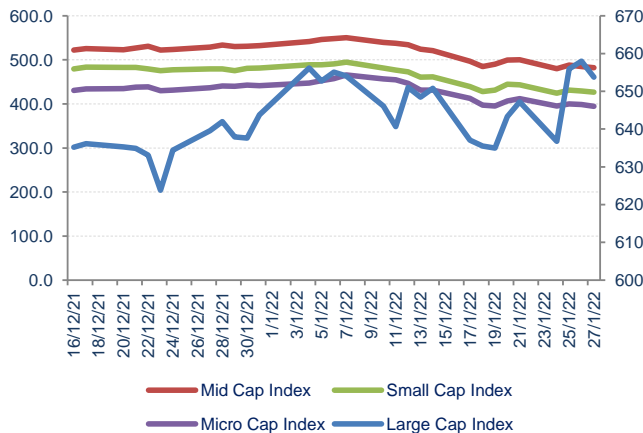
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



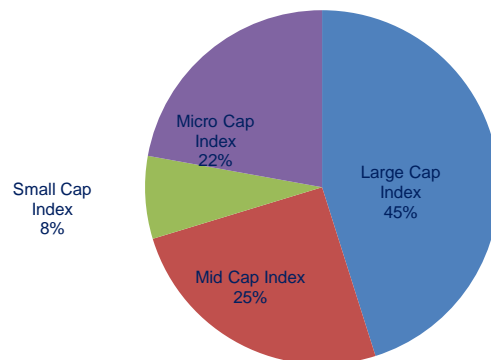
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	LPB	4,250,400	KBC	1,769,900
2	TPB	2,305,800	VIC	1,285,400
3	VRE	1,843,000	HPG	1,207,100
4	ROS	1,593,200	DXG	954,700
5	STB	1,207,500	E1VFN30	904,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	1,420,000	TDN	157,400
2	SHS	100,000	BTS	31,200
3	TNG	43,800	PTS	12,600
4	APS	9,400	TDT	8,500
5	PSD	9,200	KLF	6,900

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	7.30	6.79	↓ -6.99%	27,698,500
HNG	9.50	9.40	↓ -1.05%	27,529,200
STB	35.55	35.40	↓ -0.42%	23,757,100
MBB	33.30	33.00	↓ -0.90%	20,450,800
LPB	24.60	24.50	↓ -0.41%	20,330,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	28.40	28.90	↑ 1.76%	6,478,420
CEO	68.50	62.00	↓ -9.49%	5,729,606
IDC	61.10	60.00	↓ -1.80%	4,485,035
KLF	5.50	5.50	→ 0.00%	3,585,106
SHS	38.00	39.00	↑ 2.63%	3,503,548

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FTS	45.30	48.45	3.15	↑ 6.95%
PTC	39.80	42.55	2.75	↑ 6.91%
BSI	34.10	36.45	2.35	↑ 6.89%
TGG	14.60	15.60	1.00	↑ 6.85%
MDG	12.65	13.50	0.85	↑ 6.72%

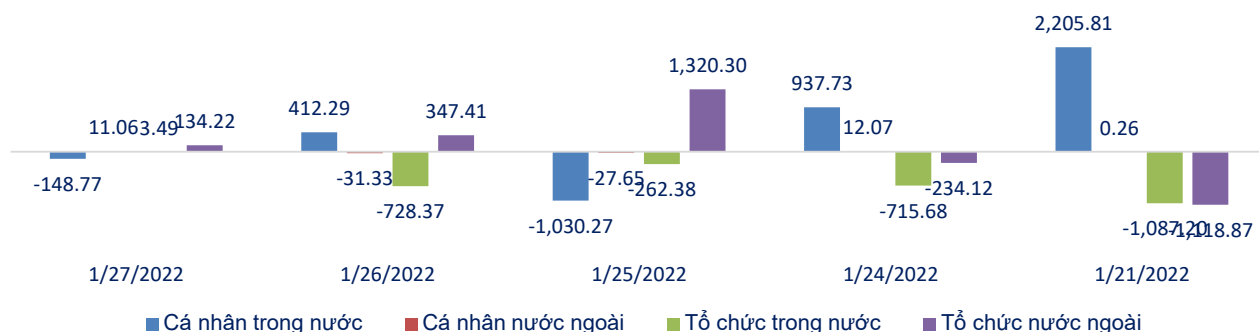
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VNT	78.20	86.00	7.80	↑ 9.97%
RCL	23.20	25.50	2.30	↑ 9.91%
MED	26.40	29.00	2.60	↑ 9.85%
L62	6.10	6.70	0.60	↑ 9.84%
VE2	7.30	8.00	0.70	↑ 9.59%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TIP	61.50	57.20	-4.30	↓ -6.99%
ROS	7.30	6.79	-0.51	↓ -6.99%
HU3	8.60	8.00	-0.60	↓ -6.98%
PXI	5.75	5.35	-0.40	↓ -6.96%
VPH	14.40	13.40	-1.00	↓ -6.94%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SPC	22.90	17.90	-5.00	↓ -21.83%
NBW	25.00	22.50	-2.50	↓ -10.00%
LHC	168.00	151.20	-16.80	↓ -10.00%
VGS	32.00	28.80	-3.20	↓ -10.00%
MHL	6.00	5.40	-0.60	↓ -10.00%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	130.56	2.9%	1,111	86.8	2.3
KBC	92.68	6.0%	1,493	36.6	2.1
DXG	89.40	7.5%	1,406	24.3	1.6
HPG	84.61	44.7%	7,085	6.1	2.3
FLC	77.88	13.1%	1,967	5.5	0.8

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	-124.13	19.6%	2,067	30.4	3.2
LPB	-107.89	18.5%	2,387	10.3	1.8
TPB	-85.92	22.6%	3,207	12.2	1.9
APH	-85.53	1.6%	429	73.6	1.1
SSI	-83.14	13.0%	1,400	30.3	3.1

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	8.85	3.1%	324	22.5	0.7
VRE	5.02	7.2%	954	35.5	2.6
DGW	4.11	44.7%	7,476	13.6	5.0
HDC	3.97	23.6%	3,665	21.8	4.6
VND	2.64	19.6%	2,067	30.4	3.2

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	-3.44	7.5%	1,406	24.3	1.6
CRE	-3.21	19.7%	3,434	10.4	1.5
OCB	-3.08	23.9%	3,308	8.5	1.5
FUEVFVND	-2.55	N/A	N/A	N/A	N/A
GAS	-2.33	17.1%	4,531	24.8	4.1

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	97.75	1.6%	429	73.6	1.1
NVL	52.02	7.9%	1,577	50.3	2.9
VND	49.03	19.6%	2,067	30.4	3.2
SSI	41.93	13.0%	1,400	30.3	3.1
E1VFN30	41.32	N/A	N/A	N/A	N/A

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	-83.01	13.1%	1,967	5.5	0.8
VPB	-67.45	21.2%	2,772	13.0	1.5
DXG	-57.27	7.5%	1,406	24.3	1.6
HPG	-34.00	44.7%	7,085	6.1	2.3
ACB	-31.17	23.9%	3,554	10.0	2.1

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	108.25	18.5%	2,387	10.3	1.8
TPB	91.48	22.6%	3,207	12.2	1.9
VND	72.46	19.6%	2,067	30.4	3.2
VRE	58.42	7.2%	954	35.5	2.6
DGW	54.41	44.7%	7,476	13.6	5.0

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-122.43	2.9%	1,111	86.8	2.3
KBC	-93.74	6.0%	1,493	36.6	2.1
VCB	-61.43	20.4%	4,464	21.2	3.2
MSN	-60.59	8.4%	2,032	72.3	5.4
HPG	-52.35	44.7%	7,085	6.1	2.3



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	27,698,500	3.1%	324	22.5	0.7
HNG	27,529,200	3250.0%	51	186.4	1.3
STB	23,757,100	11.1%	1,864	19.1	2.0
MBB	20,450,800	20.3%	2,943	11.3	2.1
LPB	20,330,100	18.5%	2,387	10.3	1.8

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	6,478,420	4.6%	1,238	22.9	1.0
CEO	5,729,606	-4.7%	(606)	-	5.5
IDC	4,485,035	11.8%	1,805	33.8	3.9
KLF	3,585,106	0.4%	40	136.1	0.5
SHS	3,503,548	25.5%	2,988	12.7	1.9

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FTS	↑ 7.0%	7.9%	1,163	39.0	2.4
PTC	↑ 6.9%	18.7%	3,510	11.3	2.1
BSI	↑ 6.9%	8.9%	1,047	32.6	2.5
TGG	↑ 6.8%	27.9%	3,363	4.3	1.0
MDG	↑ 6.7%	10.1%	1,515	8.4	0.8

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VNT	↑ 10.0%	-16.6%	(2,477)	-	5.5
RCL	↑ 9.9%	6.0%	1,354	17.1	1.0
MED	↑ 9.8%	2.2%	570	46.3	2.0
L62	↑ 9.8%	-2.8%	(371)	-	0.5
VE2	↑ 9.6%	7.3%	813	9.0	0.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	4,250,400	18.5%	2,387	10.3	1.8
TPB	2,305,800	22.6%	3,207	12.2	1.9
VRE	1,843,000	7.2%	954	35.5	2.6
ROS	1,593,200	3.1%	324	22.5	0.7
STB	1,207,500	11.1%	1,864	19.1	2.0

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	1,420,000	4.6%	1,238	22.9	1.0
SHS	100,000	25.5%	2,988	12.7	1.9
TNG	43,800	17.8%	2,725	10.3	1.7
APS	9,400	15.2%	937	28.2	2.2
PSD	9,200	36.8%	4,717	7.1	2.4

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	447,223	20.4%	4,464	21.2	3.2
VIC	366,823	2.9%	1,111	86.8	2.3
VHM	353,575	38.3%	8,968	9.1	3.0
BID	243,315	12.0%	1,975	24.4	2.2
GAS	214,745	17.1%	4,531	24.8	4.1

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	60,200	25.2%	4,694	36.6	10.4
KSF	31,050	8.8%	743	139.3	5.2
IDC	18,330	11.8%	1,805	33.8	3.9
CEO	17,628	-4.7%	(606)	-	5.5
BAB	17,322	8.3%	964	23.8	1.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	5.31	2.1%	292	83.0	1.7
DIG	4.90	13.1%	1,481	57.4	7.1
SGR	4.81	-1.9%	(237)	-	2.4
NHA	4.62	0.8%	85	787.2	6.6
BSI	4.55	8.9%	1,047	32.6	2.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.98	9.9%	475	22.5	2.1
L14	3.00	13.6%	1,987	204.2	24.6
CEO	2.93	-4.7%	(606)	-	5.5
VC7	2.82	3.3%	281	75.2	1.9
L18	2.78	4.5%	683	93.8	4.5



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---